

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y TẾ TUYẾN
XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC SƠN
(Kèm theo Quyết định số 108 /QĐ-UBND ngày 17/01/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn.
- Địa điểm thực hiện dự án tại các xã: Long Đống, Nhất Hoà, Vũ Lễ, Tân Thành, Tân Tri thuộc huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: khối phố Hoàng Văn Thụ, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Phạm vi, quy mô, công suất

2.1. Phạm vi: tại các xã Long Đống, Nhất Hoà, Vũ Lễ, Tân Thành, Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Quy mô, công suất:

- Xây mới Trạm y tế xã Long Đống: xây dựng nhà 01 tầng, gồm 09 phòng, diện tích xây dựng khoảng 214m² và các hạng mục phụ trợ.
- Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhất Hòa: xây mới nhà 01 tầng gồm 09 phòng, diện tích xây dựng khoảng 214m² và các hạng mục phụ trợ. Cải tạo nâng cấp 01 dãy nhà (05 phòng bệnh khép kín) với tổng diện tích 105m².
- Xây mới Trạm y tế xã Vũ Lễ: xây mới 02 tầng, 13 phòng chức năng, diện tích xây dựng 216m², diện tích sàn khoảng 426m² và các hạng mục phụ trợ
- Xây mới Trạm y tế xã Tân Thành: xây mới 02 tầng, 13 phòng chức năng, diện tích xây dựng 216m², diện tích sàn 426m² và các hạng mục phụ trợ.
- Xây mới Trạm y tế xã Tân Tri: xây mới 02 tầng, 13 phòng chức năng, diện tích xây dựng 216m², diện tích sàn khoảng 426m² và các hạng mục phụ trợ.

3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

3.1. Các hạng mục công trình

- Trạm y tế xã Long Đống:
 - + Xây mới nhà 01 tầng, gồm 09 phòng.
 - + Các hạng mục phụ trợ: xây mới nhà vệ sinh, bể nước, nhà chứa rác, nhà để xe, kê đá, san nền, tường rào.

- Trạm y tế xã Nhất Hòa:
 - + Xây mới nhà 01 tầng, gồm 09 phòng.
 - + Cải tạo nhà công vụ hiện trạng.
 - + Các hạng mục phụ trợ: xây mới nhà chứa rác, nhà để xe, cổng, sân bê tông, bể nước
- Trạm y tế xã Vũ Lễ:
 - + Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng.
 - + Cải tạo, nâng cấp 01 dãy nhà (05 phòng bệnh khép kín) thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng.
 - + Các hạng mục phụ trợ: nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào
- Trạm y tế xã Tân Thành:
 - + Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng.
 - + Các hạng mục phụ trợ: nhà công vụ; nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào; bể chứa nước; giếng khoan; san nền.
- Trạm y tế xã Tân Tri:
 - + Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng, 01 phòng bếp và 01 phòng công vụ.
 - + Các hạng mục phụ trợ: nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào.

3.2. Các hoạt động của dự án

- Giai đoạn thi công:
 - + Thu hồi đất khu vực dự án;
 - + Giải phóng mặt bằng, cải tạo các hạng mục của dự án;
 - + Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án;
- Giai đoạn hoạt động: hoạt động của các cán bộ, nhân viên y tế và bệnh nhân thăm khám tại các điểm Trạm y tế.

4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên của Trạm y tế xã Long Đống với diện tích 600m² đất trồng lúa.

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XÁC ĐẾN MÔI TRƯỜNG

STT	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
I	GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG DỰ ÁN	
1	Hoạt động giải	- Môi trường không khí: Bụi

STT	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
	phóng mặt bằng, cải tạo các hạng mục của dự án	- Tác động do chất thải rắn: Chất thải hữu cơ; đất hữu cơ; gạch, bê tông từ các hạng mục phá dỡ. - Tác động do tiếng ồn, độ rung.
2	Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án	- Môi trường không khí: Bụi, các loại khí thải: CO, SO₂, NO₂, VOC. - Chất thải rắn: + CTR sinh hoạt: Thành phần chính bao gồm giấy, thức ăn thừa, nhựa, thủy tinh,... + CTR thông thường: Thành phần chính bao gồm các loại đất, cát, bao bì, mẫu gỗ, các mẫu sắt thép vụn,...; Chất thải từ hệ thống thoát nước mưa tạm thời. + CTNH: Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, vải dính dầu mỡ; cầu thải của máy móc xây dựng; cao bì cứng kim loại (vỏ thùng sơn); pin, acquy thải; cùn thải từ khu vực rửa xe; chất thải có thành phần nguy hại khác. - Nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; nước thải từ quá trình thi công xây dựng. - Tác động do tiếng ồn, độ rung.
II	GIẢI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG ỔN ĐỊNH	
1	- Hoạt động của các cán bộ, nhân viên y tế và bệnh nhân thăm khám tại các điểm Trạm y tế. - Hoạt động của các phương tiện giao thông.	- Môi trường không khí: + Hoạt động của các phương tiện giao thông: Bụi, các loại khí thải: CO, SO₂, NO₂, VOC; + Khí thải từ hoạt động khám, chữa bệnh: Hóa chất sát khuẩn hữu cơ có khả năng bay hơi như: cồn, cloramin B, oxy già,... Mùi hoá chất trong khu vực chứa dược phẩm và thuốc khử trùng. Hơi hoá chất từ các dung môi làm vệ sinh, tẩy rửa sàn: chủ yếu là các hơi hoá chất Benzyl, polyetylen,.... + Mùi hôi từ bể tự hoại, thùng chứa rác thải sinh hoạt; + Khí thải từ hoạt động máy điều hòa nhiệt độ; - Chất thải rắn: + CTR sinh hoạt: Thành phần bao gồm các loại thực phẩm dư thừa, giấy vụn, đồ hộp, thủy tinh, túi nilon, plastic... + CTR thông thường: Bùn thải từ bể tự hoại; chất thải từ hệ thống thoát nước mưa; chất thải rắn thông thường từ hoạt động khám chữa bệnh (Các dây truyền dịch không dính máu, dịch thể người; các chai nhựa, đồ nhựa, bìa carton,...). + CTNH: - Chất thải phát sinh từ các công việc hành chính (Hộp mực thải; Bóng đèn huỳnh quang thải; cao bì mềm,

STT	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
		giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ; pin, ắc quy thải bỏ). Chất thải phát sinh từ phòng khám: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (Kim tiêm, dây truyền dính máu,...); chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (Găng tay, băng gạc dính máu và hóa chất,...); chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao (Vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm động lực,...); chất thải giải phẫu;.... - Nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế. - Tác động do tiếng ồn, độ rung.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO GIAI ĐOẠN DỰ ÁN

1. Nước thải, bụi, khí thải

1.1. Nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Trạm y tế xã Tân Tri: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng dự án 740 (lít/ngày); nước thải vệ sinh máy móc trên công trường 1 (m³/trạm/ngày); nước thải khu vực rửa xe 0,6 (m³/trạm/ngày).

- Trạm y tế xã Vũ Lễ: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng dự án 940 (lít/ngày); nước thải vệ sinh máy móc trên công trường 1,2 (m³/trạm/ngày); nước thải khu vực rửa xe 0,8 (m³/trạm/ngày).

- Trạm y tế xã Long Đống: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng dự án 940 (lít/ngày); nước thải vệ sinh máy móc trên công trường 1,2 (m³/trạm/ngày); nước thải khu vực rửa xe 1 (m³/trạm/ngày).

- Trạm y tế xã Tân Thành: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng dự án 860 (lít/ngày); nước thải vệ sinh máy móc trên công trường 1 (m³/trạm/ngày); nước thải khu vực rửa xe 0,8 (m³/trạm/ngày).

- Trạm y tế xã Nhất Hòa: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng dự án 860 (lít/ngày); nước thải vệ sinh máy móc trên công trường 1,2 (m³/trạm/ngày); nước thải khu vực rửa xe 0,8 (m³/trạm/ngày).

- Thành phần, tính chất: nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải phát sinh chủ yếu là loại nước thải sinh hoạt và một lượng nhỏ nước thải phát sinh tại các phòng khám nội trú. Thành phần, tính chất: nước thải

sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh. Thành phần nước thải phát sinh từ phòng khám, tính chất: dầu mỡ; các chất hữu cơ; chất rắn lơ lửng; các chất dinh dưỡng (N, P); các loại vi khuẩn gây bệnh. Thành phần, tính chất trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như đất, cát, chất cặn bã,...

- Trạm y tế xã Tân Tri: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các y, bác sỹ làm việc tại Trạm y tế và công dân đến khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã: $5,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế: $0,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án: $4,67 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Trạm y tế xã Vũ Lễ: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các y, bác sỹ làm việc tại Trạm y tế và công dân đến khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã: $5,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế: $0,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án: $7,96 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Trạm y tế xã Long Đông: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các y, bác sỹ làm việc tại Trạm y tế và công dân đến khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã: $5,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế: $0,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án: $7,96 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Trạm y tế xã Tân Thành: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các y, bác sỹ làm việc tại Trạm y tế và công dân đến khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã: $5,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế: $0,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án: $26,87 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Trạm y tế xã Nhất Hòa: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các y, bác sỹ làm việc tại Trạm y tế và công dân đến khám chữa bệnh tại Trạm y tế xã: $5,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải phát sinh từ phòng khám trong Trạm y tế: $0,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án: $18,91 \text{ m}^3/\text{s}$.

1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

Tác động do bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu; từ quá trình phá dỡ cải tạo, đào đắp các hạng mục; bụi cuốn theo dòng xe trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng; từ hoạt động của các máy móc thi công; từ công đoạn hàn.

b) Giai đoạn vận hành

Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Trạm y tế khám chữa bệnh; từ hoạt động khám chữa bệnh; mùi hôi từ bể tự hoại, thùng chứa rác thải sinh hoạt; từ hoạt động máy điều hòa nhiệt độ;

2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng;

chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng.

- Trạm y tế xã Tân Tri: khối lượng phát quang thảm thực vật: 3,01 (tấn); cải tạo, phá dỡ các hạng mục hiện trạng: 423,9 (tấn); đất đào đắp san nền dư thừa: 24,56 (tấn); chất thải rắn xây dựng: 33,88 (tấn); chất thải rắn sinh hoạt: 7,5 (kg/ngày); lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 13,27 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Vũ Lễ: khối lượng phát quang thảm thực vật: 3,67 (tấn); cải tạo, phá dỡ các hạng mục hiện trạng: 463,15 (tấn); đất đào đắp san nền dư thừa: 35,74 (tấn); chất thải rắn xây dựng 41,69 (tấn); chất thải rắn sinh hoạt: 10 (kg/ngày); lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 22,63 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Long Đông: khối lượng sinh khối phát quang: 5,5 (tấn); cải tạo, phá dỡ các hạng mục hiện trạng: 387,79 (tấn); đất đào đắp san nền dư thừa: 69,48 (tấn); chất thải rắn xây dựng: 60,44 (tấn); chất thải rắn sinh hoạt: 10 (kg/ngày); lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 43,95 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Tân Thành: khối lượng phát quang thảm thực vật: 5,24 (tấn); đất đào đắp san nền dư thừa: 64,14 (tấn); chất thải rắn xây dựng: 52,49 (tấn); chất thải rắn sinh hoạt: 9 (kg/ngày); lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 76,36 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Nhất Hòa: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 kg/ngày; chất thải rắn thông thường: 3,0 kg/ngày; bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 76,36 (kg/15 ngày).

b) Giai đoạn vận hành

- Trạm y tế xã Tân Tri: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 (kg/ngày); chất thải rắn thông thường do hoạt động khám chữa bệnh: 1,5 kg/ngày; bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 13,27 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Vũ Lễ: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 (kg/ngày); chất thải rắn thông thường do hoạt động khám chữa bệnh: 2,0 (kg/ngày); bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 22,63 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Long Đông: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 (kg/ngày); chất thải rắn thông thường do hoạt động khám chữa bệnh: 4,0 (kg/ngày); bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 43,95 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Tân Thành: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 (kg/ngày); chất thải rắn thông thường do hoạt động khám chữa bệnh: 3,0 kg/ngày; bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 76,36 (kg/15 ngày).

- Trạm y tế xã Nhất Hòa: chất thải rắn sinh hoạt: 59,8 kg/ngày; chất thải rắn thông thường do hoạt động khám chữa bệnh: 2,5 kg/ngày; bùn thải từ bể tự hoại: 1,44m³/năm; lượng bùn cặn trong hệ thống thoát nước mưa: 53,74 kg/15 ngày.

2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

Tác động do chất thải nguy hại: phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và phương tiện vận chuyển tạo ra: dầu, mỡ thải, các vật nhiễm dầu (giẻ lau, cần dầu); hoạt động hàn tại công trường: Trạm y tế xã Tân Tri phát sinh khoảng 24 (kg/tháng). Trạm y tế xã Vũ Lễ phát sinh khoảng 26,5 (kg/tháng). Trạm y tế xã Long Đông phát sinh khoảng 36,5 (kg/tháng). Trạm y tế xã Tân Thành phát sinh khoảng 27,5 (kg/tháng). Trạm y tế xã Nhất Hòa phát sinh khoảng 26 (kg/tháng).

b) Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh và thành phần các loại chất thải nguy hại (CTNH) từ hoạt động chiếu sáng: bóng đèn huỳnh quang hỏng. Từ hoạt động khám bệnh tại trạm: kim tiêm, thuốc, vỏ chứa dung dịch,...

- Khối lượng chất thải y tế có thành phần nguy hại tại mỗi Trạm y tế như sau: Trạm y tế xã Tân Tri: 40,52 kg/năm; Trạm y tế xã Vũ Lễ: 33,72 kg/năm; Trạm y tế xã Long Đông: 52,32 kg/năm; Trạm y tế xã Tân Thành: 38,22 kg/năm; Trạm y tế xã Nhất Hòa: 37,42 kg/năm;

3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công như máy xúc, máy lu, máy ủi,...

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện vận tải, phương tiện đi lại: xe ô tô, mô tô, xe gắn máy, máy móc thiết bị hoạt động của dự án

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải; khí thải

1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhân lực hợp lý theo từng giai đoạn thi công. Không chế lượng nước thải sinh hoạt bằng cách ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực lân cận, có điều kiện tự túc ăn ở. Tiến hành lắp đặt 05 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường. Tại mỗi công trường bùn thải từ các nhà vệ sinh lưu động sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định định kỳ 04 ngày/lần hoặc tùy vào tình hình phát sinh tại mỗi công trường.

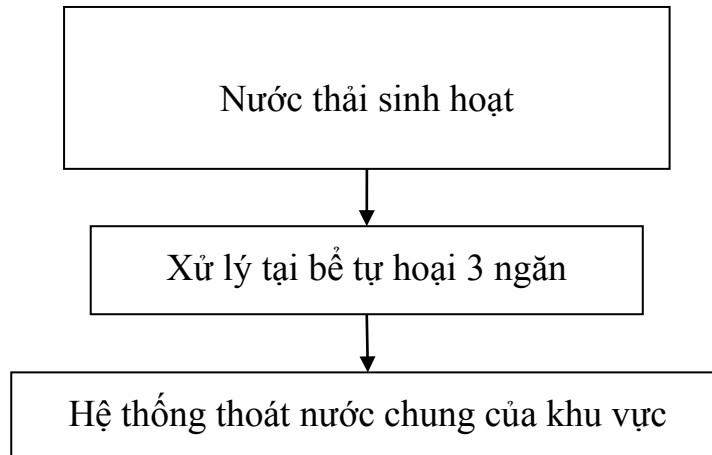
- Nước thải xây dựng: bố trí hệ thống thu gom nước thải riêng, có hố ga lắng trước khi thải ra môi trường. Lượng nước thải từ hoạt động xây dựng, rửa xe được tách cặn, dầu mỡ. Nước thải sau khi tách dầu mỡ được tuần hoàn sử dụng lại cho mục đích phun xịt rửa xe hoặc làm nước tưới đường dập bụi.

- Nước mưa chảy tràn: tiến hành xây dựng các tuyến thoát nước tạm thời trong khuôn viên mỗi công trường. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng. Các bãi chứa vật liệu, đất thải tạm thời được bố trí xa dòng chảy; đắp bờ đất cao tối thiểu 30 cm tại các vị trí bãi thải tạm, bãi tập kết vật liệu để ngăn chặn nước mưa chảy tràn cuốn trôi

bùn, đất đá xuống các thủy vực. Tiến hành nạo vét các hố ga xung quanh công trường, định kỳ tối thiểu 2 tuần/lần.

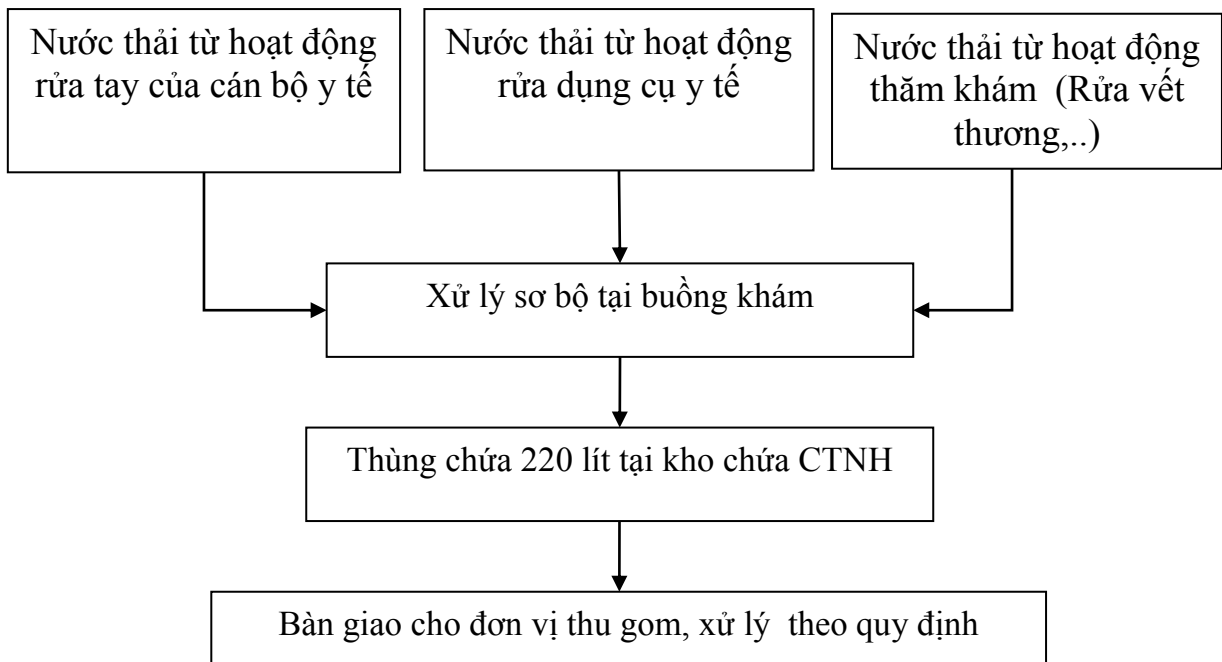
b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt: phương án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại mỗi Trạm y tế như sau:



Nước thải khu nhà vệ sinh tại mỗi Trạm y tế được thoát theo hệ thống ống dẫn vào bể tự hoại (Dung tích 13m³), sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của dự án. Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị có chức năng tiến hành hút cặn giúp tăng khả năng xử lý nước thải sinh hoạt của bể.

- Nước thải phòng khám: phương án thu gom, xử lý nước thải phòng khám tại mỗi Trạm y tế như sau:



Lượng nước thải phòng khám có chứa thành phần nguy hại không thể xử lý tại trạm, tại mỗi trạm sẽ thu gom vào thùng chứa 220lit ở kho chứa CTNH hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định không xả trực tiếp ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa trong khu vực khuôn viên cây xanh và

sân đường phía trước mặt Trạm y tế được thu vào các tuyến rãnh của khu vực. Nước mưa trên mái nhà được thu vào các ống đứng có đường kính DN80 nước mưa dẫn xuống tầng 1 thoát ra cùng hệ thống ga rãnh thoát nước. Các hố ga thu thăm được bố trí trên tuyến rãnh thoát nước có kết cấu xây gạch, đầy tấm đan bê tông cốt thép. Hố ga được bố trí cách nhau 10-22m. Không tập kết các chất thải sinh hoạt; CTNH;... tại hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Tiến hành quây hàng rào bằng bạt cao 2,5 m xung quanh khu vực công trường.
- Định kỳ 2 lần/ngày sẽ tổ chức tưới rửa đường trên tuyến đường cạnh dự án trong phạm vi 100m tính từ cổng công trường sang 2 bên.
- Bố trí 01 trạm rửa xe tại cổng ra vào của mỗi công trường. Xe vận chuyển đất đá trước khi ra khỏi công trường cần rửa sạch đất, cát,... bám xung quanh, tránh phát tán bụi tại các tuyến đường vận chuyển, dẫn đến tình trạng ô nhiễm toàn khu vực.
- Phân công 1 tổ vệ sinh môi trường/05 công trường xây dựng gồm 4 người chịu trách nhiệm quét dọn sạch sẽ và thu gom chất thải rắn (CTR) phát sinh tại công trường để đúng nơi quy định.
- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng được kiểm tra định kỳ; phủ bạt che kín khi vận chuyển; bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu hợp lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Các phương tiện giao thông ra vào Trạm y tế phải tắt máy xuống xe, đỗ vào nhà để xe tuân thủ đúng quy định của trạm.
- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn sạch sẽ.
- Trồng cây xanh, ưu tiên trồng các loại cây tán dày, lá rậm, đặc biệt các loại cây thích hợp với khí hậu, thổ nhưỡng khu vực.
- Thực hiện thu gom ngay sau khi phát sinh chất thải, không vứt ra bên ngoài, không để tạm bợ. Thực hiện thu gom rác định kỳ sau cuối ngày làm việc hoặc khi túi rác chứa đầy $\frac{3}{4}$ về kho chứa rác của Trạm y tế. Không lưu chứa rác trong thời gian dài, tránh các hoạt động phân huỷ, lây nhiễm phát tán mùi ra ngoài môi trường.

2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Đối với CTR sinh hoạt: trang bị khoảng 25 thùng chứa/05 trạm chứa rác sinh hoạt bằng nhựa, có nắp đậy có thể tích 120 lít/thùng, để chứa rác tại khu vực công trường. Lượng chất thải rắn sinh hoạt như vỏ hộp cơm, vỏ nilong,... tại

công trình này sẽ được thu gom bởi đơn vị có chức năng theo đúng quy định.
Tần suất thu gom: 1 ngày/lần.

- Đối với CTR công nghiệp thông thường không nguy hại: các phế liệu có thể tái chế, tái sử dụng như sắt thép, gỗ vụn... sẽ được thu gom và tái chế hoặc bán cho các đơn vị thu gom trên địa bàn hoặc sử dụng vào mục đích khác. Phế thải xây dựng: cát, đá, gạch, vữa, sà bần,... sẽ được tập trung tại bãi tập kết phế thải trên công trường chờ chuyển đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: mỗi Trạm y tế bố trí khoảng 10 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích khoảng 50 lít tại khu vực văn phòng, phòng khám bệnh, lối đi, nhà vệ sinh, khu lưu chứa rác. Bên cạnh đó sẽ bố trí thêm 01 thùng chứa có nắp đậy dung tích 200 lít cạnh khu vực cổng ra vào tại mỗi trạm.

- Đối với chất thải rắn y tế thông thường:

+ Chất thải rắn thông thường không tái chế: tại mỗi phòng, hành lang, nhà vệ sinh...: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh (thùng 30 lít - 50 lít). Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom để vận chuyển và xử lý rác thải với tần suất hàng ngày.

+ Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Tại các phòng, hành lang, nhà vệ sinh...: đựng trong túi (túi màu trắng loại 15 - 50kg) hoặc thùng có lót túi và có màu trắng (thùng 15 lít – 30 lít) để thuận tiện cho bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thải bỏ.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

Trang bị 30 thùng loại 50 lít/05 trạm tại công trường có nắp kín. Các thùng lưu giữ CTNH đúng quy cách: phân biệt màu sắc, kín, có dán nhãn cảnh báo nguy hiểm. Vị trí tập kết CTNH có mái che và tường bao quanh và có biển cảnh báo theo đúng quy định về quản lý CTNH. Kiểm tra giám sát thường xuyên lượng CTNH phát sinh và thuê các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, toàn bộ chất thải y tế phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng, có nắp đậy kín.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn; chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Đựng trong hộp hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng, có nắp đậy kín.

+ Chất thải giải phẫu: đựng trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng, có nắp đậy kín.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: đựng trong túi hoặc trong

thùng có lót túi và có màu đen, có nắp đậy kín.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: đựng trong các dụng cụ có nắp đậy kín.

- Bên ngoài túi, thùng đựng chất thải nguy hại có biểu tượng chất thải phù hợp. Chất thải y tế có thành phần nguy hại sau khi phân loại được lưu chứa trong khu vực kho của mỗi Trạm y tế, diện tích cụ thể như sau: Trạm y tế xã Tân Tri: 8m²; Trạm y tế xã Vũ Lễ: 8m²; Trạm y tế xã Long Đông: 7,39m²; Trạm y tế xã Tân Thành: 7,4m²; Trạm y tế xã Nhất Hòa: 18,4m²;

- Mỗi phòng khám tại các Trạm y tế đặt các thùng đựng chất thải khác nhau dung tích từ 20-30 lít, bên trong đặt các túi màu tương ứng theo đúng quy định thuận tiện cho cán bộ y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thải bỏ. Túi này được thay thế bằng túi mới cùng loại khi túi được vận chuyển đi.

- Định kỳ sẽ được Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

3.1. Giai đoạn xây dựng

- Không sử dụng các máy móc có mức ồn lớn hơn 85 dBA (đo tại điểm cách máy 2m).

- Chống rung bằng biện pháp kết cấu: cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực,...

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối hoặc đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc 03 tháng/lần.

3.2. Giai đoạn vận hành

- Tổ chức tiếp nhận người dân theo thứ tự, yêu cầu xếp hàng, tránh chồng chéo quá tải gây mất trật tự khám chữa bệnh. Hạn chế việc tập trung đông người nhà bệnh nhân trong khu vực khám chữa bệnh.

- Quy định các phương tiện ra vào Trạm y tế phải tắt máy (trừ các phương tiện cấp cứu).

- Bố trí khu vực để xe cách xa khu vực khám chữa bệnh.

- Các phòng được bố trí cửa kính kín nhằm hạn chế tiếng ồn từ bên ngoài.

- Trồng và chăm sóc tốt hệ thống cây xanh trong khuôn viên nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn thông thường

- Tại khu vực tập trung rác thải.
- Thông số giám sát: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng.
- Tần suất: hằng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và thông tư số 08/2017/BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng

b) Chất thải nguy hại

- Tại khu vực lưu giữ CTNH.
- Thông số giám sát: chủng loại và khối lượng CTNH phát sinh.
- Tần suất: hàng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và thông tư số 08/2017/BXD.

c) Giám sát nước thải

Giám sát nước thải phát sinh đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng.

d) Giám sát khác

- Giám sát lưu chứa, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu cho dự án:
 - + Giám sát điểm tạm lưu giữ.
 - + Giám sát việc chuyên chở vận chuyển vật liệu xây dựng.
 - + Tần suất giám sát: hằng ngày.
- Giám sát an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng:
 - + Kiểm tra nhân lực, thiết bị, máy móc, vật tư nhà thầu đưa công trường xây dựng. Các thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn.
 - + Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công.
 - + Kiểm tra và giám sát nhà thầu thi công đúng thiết kế, đảm bảo tiến độ và an toàn.
 - + Tần suất giám sát: hằng ngày.

2. Chương trình giám sát trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Đơn vị được giao quản lý, vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện theo dõi, tự giám sát quá trình vận hành dự án như sau:

a) Nước thải

- Giám sát thường xuyên hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

- Giám sát việc thu gom, lưu giữ nước thải y tế phát sinh và chuyển giao.
- Tần suất: hằng ngày.

b) Giám sát chất thải rắn thông thường

- Tại khu vực tập trung rác thải.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, biện pháp thu gom, xử lý.
- Tần suất: Hàng ngày
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Giám sát chất thải nguy hại

- Tại khu vực lưu giữ CTNH.
- Thông số giám sát: chủng loại và khối lượng CTNH.
- Tần suất: hằng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

VI. CÁC YÊU CẦU KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHỦ DỰ ÁN

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định
2. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường và kịp thời báo cáo những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định./.